| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2019
*V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung .*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Danh Sử

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Ngần.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997
- Bị đơn: anh Đinh Văn T, sinh năm 1996

Cùng trú tại: Thôn 5 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
Hiện chị H đang ở tại: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018, bản tự khai nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 06/12/2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn V, xã T cùng gia đình anh T. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 1 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không thể hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân chính là do anh T cờ bạc dẫn đến nợ nần, bản tính anh T cục cằn nên anh chị không hạnh phúc. Hiện tại anh chị đã ly thân. Nay chị xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định chị và anh T có 01 con chung là cháu Đinh Bảo A sinh 23/12/2016. Hiện cháu đang ở với anh T, nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi con vì hiện nay cháu còn nhỏ là con gái, anh T lại không có công ăn việc làm, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh T tại bản tự khai ngày 24/12/2018, biên bản phiên họp về việc công khai tiếp cận chứng cứ và các biên bản hòa giải: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị H trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là khoảng tháng 11/2018 vợ chồng anh đi khám sức khỏe để vợ chồng đi xuất khẩu lao động phát hiện anh bị viêm gan B, từ đó chị H có thái độ khác hẳn, nguyên nhân nữa là do vợ chồng không thống nhất được việc làm ăn nên dẫn đến to tiếng với nhau. Chính vì vậy chị H tự ý không ở nhà anh nữa. Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: anh xác định vợ chồng anh có 01 con chung là Đinh Bảo A sinh 23/12/2016, hiện cháu đang ở với anh. Anh không đồng ý cho chị H nuôi cháu vì cháu ở với anh từ nhỏ, mặt khác anh bị bệnh viêm gan B sau này không biết có sinh con được nữa không nên anh vẫn cương quyết xin nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu.

Ngày 18/12/2018 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Qua nhiều lần hòa giải nhưng hai bên vẫn không thống nhất được các vấn đề giải quyết vụ án. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa , nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T , xin nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Bị đơn không đồng ý ly hôn và cũng không đồng ý cho chị H nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: đề nghị HĐXX: Căn cứ điều điều 5, 147, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quộc hội quy định về án phí. Xử:

*1. Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T.

*2. Về con chung:* Giao cháu Đinh Bảo A, sinh ngày 23/12/2016, hiện đang ở với anh T cho chị Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

*3. Về án phí ly hôn*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 5 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hvà anh Đinh Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau khoảng 1 năm  thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Hiện chị H và anh T đã ly thân. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết tuy anh T là người không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T lại thường xuyên có những hành vi chửi bới và đe dọa chị H. Cụ thể như anh T cấm không cho chị H đến thăm nom và chăm sóc con chung, việc này gây bức xúc cho chị H và gia đình. Chị H đã làm đơn kêu cứu đến hội phụ nữ các cấp nhờ can thiệp (tại biên bản xác minh ngày 25/02/2019 của Tòa án N với ủy ban xã T. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đinh Bảo A sinh 23/12/2016, hiện cháu đang ở với anh T. Nguyện vọng của cả hai bên đều muốn nuôi con chung. Tuy nhiên xét điều kiện thực tế về kinh tế cũng như độ tuổi của cháu A thì thấy cần giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì chị H có việc làm thu nhập ổn định, anh T không có công ăn việc làm, bản thân anh còn thừa nhận bị bệnh viêm gan B. mặt khác cháu A là con gái hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì xét thấy việc giao cháu Đinh Bảo A cho chị H nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Bảo A sinh ngày 23 tháng 12 năm 2016, hiện cháu đang ở với anh T cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, ngời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đợc cản trở.*
*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dỡng, giáo dục con thì ngời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ngời đó.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000002 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đã ký**

***Phạm Thanh Tùng***